

Bản án số: 150 /2023/ DS-ST
Ngày: 02 - 8 -2023
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**
2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông **NGUYỄN THÀNH THÊM**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1972.
Ông **Huỳnh Văn T1**, sinh năm 1971
Cùng địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà H có mặt; bà T, ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc H** tại đơn khởi kiện trình bày: Bà với vợ chồng bà T, ông T1 quen biết đã nhiều năm, lúc trước bà cũng có tham gia hui do ông T1 và bà T làm đầu thảo cũng uy tín, do tin tưởng và cũng th thiết nên bà tiếp tục tham gia 01 dây hui mùa như sau:

Dây hui khai ngày 12/01/2021 âm lịch, hui 10.000.000đồng, mỗi năm khai 04 lần, gồm 15 phần, bà tham gia 02 phần, đã đóng được 04 lần hui là 80.000.000đồng.

đến lần khai thứ 5 thì ông T1, bà T không khai nữa. Bà yêu cầu ông T1, bà T trả bà 80.000.000đồng.

Ngày 05/6/2023 bà H có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, bà xác định chỉ tham gia 01 phần trong dây hội mùa 12/01/2021 âm lịch với số tiền đã đóng là 40.000.000đồng. Bà yêu cầu ông T1, bà T trả bà 40.000.000đồng.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu bà T, ông T1 trả lại số tiền vốn hội đã đóng là 26.000.000đồng.

- Bị đơn bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn T1 dù được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng và không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nH dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng qui định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn hội 26.000.000đồng đã đóng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hội. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng góp hội theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn T1 dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4] Sự thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay chỉ yêu cầu bà T, ông T1 trả lại số tiền vốn hội đã đóng là 26.000.000đồng. Xét thấy đây là quyền định đoạt của đương sự phù hợp qui định pháp luật nên ghi nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, tuy việc tổ chức chơi hội và tham gia của hội viên chưa thực hiện đúng theo qui định pháp luật. Tuy nhiên, qua xác minh một số hội viên có tham gia dây hội ngày 12/01/2021 âm lịch do vợ chồng bà T tổ chức đều xác nhận bà H có tham gia 01 phần dây hội trên và đã đóng được 04 lần hội. Từ đó xác định

bà H có tham gia đây hội ngày 12/01/2021 âm lịch do vợ chồng bà T tổ chức. Hiện tại bà H đã đóng 04 lần hội sống với tiền vốn là 26.000.000 đồng thì bà T, ông T1 không khai hội tiếp. Mặc khác, đối với bà T, ông T1 từ khi Tòa án thụ lý đến nay dù được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày. Đây là đương sự tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên có thiệt thòi gì thì ông bà tự gánh chịu. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà T, ông T1 phải trả tiền hội 26.000.000 đồng cho bà H là có cơ sở.

[3]. Án phí: Bà T, ông T1 phải chịu án phí theo qui định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 do yêu cầu khởi kiện của bà Phượng được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn T1 trả 54.000.000 đồng

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Buộc bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H 26.000.000 đồng tiền nợ hội.

3. Về án phí:

3.1. Bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn T1 phải chịu 1.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại bà Nguyễn Thị Ngọc H 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011303 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T, ông T1 chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm T toán.

4.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: Bà H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nH dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục

phúc thẩm. Riêng bà T, ông T1 thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

